TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-PT
Ngày 21/2/2019
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Tân.

Ông Trần Việt Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân*** **tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 1 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ: Số 264, đường H, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó phòng Kế hoạch - Đầu tư là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 759/GUQ-CSQT ngày 25/10/2017), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số 45, đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H là bị đơn trong vụ án kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 11/12/2017, ngày 08/11/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty C trình bày:

Công ty C tiền thân trước đây là Công ty B có các nông trường thành viên, trong đó có Nông trường Dốc Miếu được giao quản lý, sử dụng diện tích 670,63 ha đất, thuộc địa giới hành chính các xã, thị trấn, trong đó có xã B là 343,24 ha trong tổng diện tích đất được UBND tỉnh Bình Trị Thiên giao để trồng Cao su tại Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 09/01/1985.

Trong quá trình sử dụng, ngày 17/11/1993 UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1319/QĐ-UB về việc thu hồi đất, giao đất cho UBND huyện G và tiếp tục giao đất cho Công ty C. Công ty C quản lý và sử dụng 3.962,12 ha, trong đó Nông trường Dốc Miếu là 803,53 ha.

Ngày 20/10/2004, UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số D 654868 cho Công ty C với diện tích là 3.551,23 ha, trong đó diện tích đất thuộc xã B là 348,33 ha.

Ngày 14/10/2010, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định 1954/QĐ-UBND về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho Công ty C số BB 820253 ngày 14/10/2010 với diện tích 3.432.875m^2, trong đó tại xã B là 343,29 ha đất.

Do đặc thù của cây Cao su nên khi thiết kế lô để trồng thì phải thiết kế đai rừng chắn gió, bình quân chiều rộng đai chắn gió từ 9m - 15m tùy theo địa hình. Sau khi thanh lý đai rừng thì diện tích đất này không thể trồng lại mà phải chờ đến chu kỳ thanh lý tái canh. Mặt khác, trước đây khi khai hoang trồng mới bằng thủ công nên một số lô có đá không gom dọn được mà tập kết thành vùng nằm trong lô. Lợi dụng đất bờ lô còn trống và đất đồi đá, một số hộ đã vào lấy đá rồi canh tác.

Năm 2015, Công ty C bắt đầu bước vào chu kỳ thanh lý để tái canh trồng mới tại xã B. Nông trường đã làm việc với các hộ đang sử dụng bờ lô, vành đai của Công ty C để thông báo thu hồi thì có hộ gia đình ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H xâm canh diện tích đất là 8.649m^2, thuộc lô số 48, bản đồ vườn cây nông trường Dốc Miếu, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11. Công ty C đã có chủ trương hỗ trợ chi phí khai hoang cho hộ gia đình khi thu hồi đất, nhưng hộ Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H không hợp tác.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tài T, bà Tạ Thị H phải di dời toàn bộ cây cối đã trồng trả lại diện tích đất 8.649m^2, thuộc lô số 48, bản đồ vườn cây nông trường Dốc Miếu, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính xã B cho Công ty C.

Theo đơn trình bày ngày 22/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Diện tích 8.649m^2 đất, ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H trực tiếp canh tác từ năm 1990 đến nay. Trong quá trình canh tác không có ai ở Công ty C hay ở Nông trường Dốc Miếu đến trao đổi yêu cầu ngừng canh tác. Việc Công ty C cho rằng ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H lấn chiếm đất của Công ty C là không đúng.

Việc UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy CNQSD đất cho Công ty C, trong đó có diện tích 8.649m^2 đất của hộ ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H đang sử dụng ổn định là trái quy định pháp luật.

Vì vậy, ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H di dời toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để trả lại diện tích 8.649m^2 đất cho Công ty C. Bà Tạ Thị H yêu cầu Tòa án yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 820253 cho Công ty C với diện tích 8.649m^2 đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 11 mà gia đình ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H đã canh tác và đang sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Quảng Trị trình bày:

Việc UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 820253 cho Công ty C tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 là theo đúng quy định pháp luật. Bà Tạ Thị H có đơn yêu cầu hủy một phần quyết định nêu trên của UBND tỉnh Quảng Trị là không có cơ sở, vì: diện tích đất Công ty C đang quản lý, sử dụng tại huyện G có nguồn gốc được UBND tỉnh Quảng Trị giao cho Công ty C theo Quyết định số 1319/QĐ-UB ngày 17/11/1993. Ngày 20/10/2004, Công ty C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D654868 tại Quyết định số 3028/QĐ-UBND, với diện tích 35.512.320 m^2 nằm trên địa bản 8 xã (trong đó có xã B) thuộc huyện Gio Linh. Trong đó, diện tích tại xã B là 3.483.270 m^2. Quá trình sử dụng đất có biến động về diện tích nên Công ty C được UBND tỉnh Quảng Trị cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 1954/QĐ-UB ngày 14/10/2010.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của TAND huyện G quyết định xử: Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS năm 2015; khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H phải di dời toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để trả lại 8.649m^2 đất thuộc lô số 48, bản đồ vườn cây Dốc Miếu, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính xã B, huyện G cho Công ty C có vị trí như sau:

Tọa độ Đ: 01 X 579868.2200 Y: 1873050.4600, Đ: 03 X 579966.7800
Y: 1873095.6500, Đ: 04 X 579948.3700 Y: 1873122.7400, Đ: 05 x 579922.8100
Y: 1873124.7300, Đ: 06 X 579884.3900 Y:18731054400, Đ: 09 X 580015.5900
Y: 1873111.2200, Đ: 10 X 580020.5800 Y: 1873080.1300, Đ: 11 X 579887.0700
Y: 1873003.7200.

- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Tạ Thị H về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 820253 cho Công ty C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2018, ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G với nội dung:

Nguyên đơn Công ty C không đưa ra được chứng cứ về việc thu hồi đất, tranh chấp đất với hộ ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H. Nhiều tình tiết của vụ án chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, quyết định, cũng như không căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã làm thiệt hại cho ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H. Ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị có ý kiến như sau:

Quá trình thụ lý xét xử vụ án: Các Thẩm phán, Thư ký cấp phúc thẩm chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tài T, bà Tạ Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tài T, bà Tạ Thị H phải di dời toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để trả lại 8.649m^2. Bà Tạ Thị H có yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 820253 cho Công ty C với diện tích 8.649m^2 đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 11 mà gia đình ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H đã canh tác và đang sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34 của BLTTDS xác định quan hệ: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần quyết định hành chính"* là đúng quan hệ tranh chấp theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp được UBND tỉnh Bình Trị Thiên giao đất cho Công ty B trước đây nay là Công ty C theo Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 09/01/1985 với tổng diện tích 670,63ha, trong đó có diện tích đất 8.649m2 đang tranh chấp. Quá trình sử dụng đất, UBND tỉnh Quảng Trị đã thu hồi

đất, giao đất cho UBND huyện G và tiếp tục giao đất cho Công ty C theo Quyết định số 1319/QĐ-UB ngày 17/11/1993. Ngày 20/10/2004 UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng dụng đất cho Công ty C theo Quyết định số 3028/QĐ-UB. Ngày 14/10/2010, UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 1954/QĐ-UBND về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 3.432.875m^2.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2018 thì hiện trạng diện tích đất 8.649m^2 ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H đang sử dụng nằm trong diện tích đất của Công ty C được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB820253 ngày 14/10/2010 tại thửa 76, tờ bản đồ số 11, tại xã B, huyện G, tỉnh Quảng Trị theo tọa độ các điểm đại diện: Đ1: X 579868.2200, Y 1873050.4600; Đ3: X 579966.7800, Y1873095.6500; Đ4: X579948.3700, Y1873122.7400; Đ5: X579922.8100, Y1873124.7300; Đ6: X579884.3900, Y1873105.4400; Đ9: X580015.5900, Y1873111.2200; Đ10: X580020.5800, Y1873080.1300; Đ11: X579887.0700, Y1873003.7200. Việc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H cho rằng đã canh tác sử dụng từ năm 1990 đến nay, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H thừa nhận không có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính và không kê khai để nộp tiền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H không có tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất và chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất sử dụng.

[2.2]Về tài sản trên đất: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2010 thể hiện trên diện tích đất 8.649m^2 có 129 cây chuối khoảng 01 năm tuổi, có 33 khóm chuối, 24 cây bơ và nghệ, khoai lang, khoai từ do ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H trồng. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty C đồng ý hỗ trợ cho ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H về việc tôn tạo đất và hoa màu với số tiền 10.000.000đồng, nhưng ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H không chấp nhận. Như vậy, ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H tự ý trồng trọt trên đất của Công ty C nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H phải di dời toàn bộ cây cối hoa màu trên diện tích đất 8.649m^2 tại thửa 76, tờ bản đồ số 11, tại xã B, huyện G là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà Tạ Thị H về việc hủy một phần quyết định số 1954/QĐ-UB ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 820253 cho Công ty C, trong đó có diện tích 8.649m^2 tại thửa số 76, tờ bản đồ số 11 của ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Việc UBND tỉnh Quảng Trị giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty C đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai và không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên là đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tài T, bà Tạ Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H không được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 9, Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 148 của BLTTDS năm 2015; khoản 9 Điều 3, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tài T, bà Tạ Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H phải di dời toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất để trả lại diện tích đất 8.649m^2, thuộc lô 48, bản đồ vườn cây Dốc Miếu, tại thửa 76, tờ bản đồ số 11, bản đồ địa chính xã B, huyện G, tỉnh Quảng Trị cho Công ty C theo tọa độ các điểm đại diện như sau:

Đ1: X579868.2200, Y1873050.4600;
Đ3: X579966.7800, Y1873095.6500;
Đ4: X579948.3700, Y1873122.7400;
Đ5: X579922.8100, Y1873124.7300;
Đ6: X579884.3900, Y1873105.4400;
Đ9: X580015.5900, Y1873111.2200;
Đ10: X580020.5800, Y1873080.1300;
Đ11: X579887.0700, Y1873003.7200.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Tạ Thị H về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cấp giấy CNQSD đất số BB 820253 cho Công ty C đối với diện tích 8.449m^2 tại thửa số 76, tờ bản đồ số 11.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000480 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Ông Nguyễn Tài T và bà Tạ Thị H tiếp tục nộp số tiền 300.000đồng.

Hoàn trả cho Công ty C số tiền 1.331.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000363 ngày 16/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thị hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà